

Bản án số: 420/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 386/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị NT, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 45/11 Lý TK, phường PC, thành phố TM, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn:

Ông Đoàn Xuân QH, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 99/8 Tô HT, Phường MB, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06 tháng 11 năm 2021 và bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị NT trình bày:

Bà NT và ông Đoàn Xuân QH chung sống với nhau có làm đăng ký kết hôn

ngày 23/12/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống đôi bên bất đồng quan điểm trong chuyện kinh tế chăm lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn và đã ly thân từ năm 2010. Đến nay đôi bên không còn bất kỳ mối quan hệ nào.

Nay, Bà NT nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với ông QH.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn MH, sinh ngày 31/12/2010. Khi ly hôn Bà NT xin được trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[2] Bị đơn ông Đoàn Xuân QH:

Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Trước phiên tòa xét xử lần thứ 2 thì ông QH có bản khai trình bày thống nhất với các yêu cầu của nguyên đơn Bà NT và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

[3] Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà NT xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ, do ông QH vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải; vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ 2:

- Nguyên đơn bà Trần Thị NT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Đoàn Xuân QH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

+ *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà NT là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét đơn khởi kiện ly hôn của Bà NT với ông QH là quan hệ pháp luật về hôn nhân và gia đình và do ông QH cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự

Bà NT khởi kiện ông QH để yêu cầu ly hôn, nên Bà NT tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn và ông QH bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng

Tòa án nhân dân Quận 10 đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn ông QH, nhưng bị đơn ông QH vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Trước phiên tòa xét xử lần thứ hai bị đơn ông QH có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về phía nguyên đơn Bà NT có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Bà NT và bị đơn ông QH là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà NT

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 198, Quyền số 01/2009 ngày 23/12/2009 do Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định bà Trần Thị NT và ông Đoàn Xuân QH là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Nay Bà NT xác định tình cảm vợ chồng đối với ông QH không còn, đặt yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo Bà NT khai bà và ông QH chung sống với nhau không phù hợp về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn. Đôi bên đã ly thân từ năm 2010 không còn liên lạc với nhau. Nay Bà NT xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, xin được ly hôn. Về phía ông QH trong suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông QH cũng không đến Tòa để hòa giải, giải quyết việc ly hôn. Trước phiên tòa xét xử lần thứ 2 thì ông QH có bản khai trình bày thống nhất với các yêu cầu của nguyên đơn Bà NT và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Do các đương sự không có mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như quy định tại Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mà Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bị đơn ông QH và chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn Bà NT, xét xử cho nguyên đơn Bà NT được ly hôn với bị đơn ông QH là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Theo nguyên đơn Bà NT và bị đơn ông QH khai có 01 con chung tên Đoàn MH, sinh ngày 31/12/2010. Khi ly hôn nguyên đơn Bà NT xin được trực tiếp nuôi trẻ H, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu. Bị đơn ông QH đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn Bà NT.

Xét thấy, giao cho nguyên đơn Bà NT trực tiếp nuôi con là đúng theo ý kiến, yêu cầu của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của trẻ H. Được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử giao trẻ H cho nguyên đơn Bà NT trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng nguyên đơn Bà NT không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và bị đơn ông QH cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ: Theo nguyên đơn Bà NT và bị đơn ông QH khai không có, nên không có gì để Hội đồng xét xử xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nguyên đơn Bà NT chịu theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị NT về việc ly hôn với bị đơn ông Đoàn Xuân QH;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị NT được ly hôn với ông Đoàn Xuân QH.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị NT trực tiếp nuôi dưỡng con Đoàn MH, sinh ngày 31/12/2010. Về cấp dưỡng nuôi con bà Trần Thị NT không yêu cầu.

Ông Đoàn Xuân QH có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Theo các đương sự cùng khai không có.

1.4. Về nợ: Theo các đương sự cùng khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Trần Thị NT chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn bà Trần Thị NT đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0018112 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bà Trần Thị NT và ông Đoàn Xuân QH không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
 - VKSND Q.10;
 - Chi cục THADS Q.10;
 - UBND PMB, Q10
- (để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
 - Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chính

